

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/7/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cường**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Bành Bảo Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm X**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh K.

(*Nay là Khu phố MP, xã C, tỉnh A*)

Bà X có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Thạch Trường A**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh K.

(*Nay là Khu phố MP, xã C, tỉnh A*)

Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm X trình bày:**

Vào năm 2015, bà và Ông Thạch Trường A tự quen biết yêu thương nhau, sau đó tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ML, huyện CT, tỉnh K ngày 06/11/2015, số 214. Quá trình

chung sống ông bà có 02 người con chung là cháu Thạch Thu T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Thạch Quang V, sinh ngày 09/3/2017. Về tài sản chung: không có, Về nợ chung: không có.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông A đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Tại phiên tòa, bà X yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với Ông Thạch Trường A;
- Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Thu T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Thạch Quang V, sinh ngày 09/3/2017 cho ông A chăm sóc nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai của bà Đoàn Thị Ngọc B ngày 12/6/2025, bà B trình bày:**

Bà là mẹ ruột của Thạch Trường A. Con trai bà là Thạch Trường A có vợ là Nguyễn Thị Cẩm X. X và A cưới nhau từ năm 2012 – 2013 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML.

Quá trình chung sống vợ chồng X và A có 02 người con chung là cháu Thạch Quang V, sinh ngày 09/3/2017 và Thạch Thu T, sinh ngày 11/5/2013. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đến khoảng trước mùa dịch covid năm 2021 thì vợ chồng X – A mâu thuẫn, cãi nhau và X bỏ đi từ đó cho đến nay không về thăm con. Các con của X – A thì do bà chăm sóc, nuôi dưỡng vì A thường đi ghe biển, khoảng vài tháng về nhà một lần và chăm lo cho con rồi lại đi nữa. Trong quá trình A đi làm thì cũng có nói với bà trong trường hợp X có yêu cầu ly hôn thì A cũng thống nhất vì vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Nay con dâu bà là Nguyễn Thị Cẩm X yêu cầu ly hôn với con trai bà Thạch Trường A thì bà có ý kiến thay:

- Về hôn nhân: do bận công việc đi làm nghề ghe biển nên không thể tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Do 02 cháu Thạch Thu T, cháu Thạch Quang V đã do An và bà chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 2021 đến nay nên đề nghị Tòa án giao 02 cháu T, V cho A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 12/6/2025 đối với cháu Thạch Thu T và cháu Thạch Quang V:**

Cháu T trình bày: Hiện nay cháu đang sống với cha, nếu Toà án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với cha;

Cháu V trình bày: Hiện nay cháu đang sống với cha, nếu Toà án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với cha

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đề nghị: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên bố chấp thuận việc chị Nguyễn Thị Cẩm X được ly hôn với anh Thạch Trường A vì *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Hội đồng xét xử cần xem xét, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố giao các cháu Thạch Thu T và Thạch Quang V cho anh Thạch Trường A tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được xem xét khi các bên có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố về án phí và chi phí tố tụng khác trong vụ án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Cẩm X khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với Ông Thạch Trường A nên đây là *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*, bị đơn Ông Thạch Trường A có nơi cư trú tại Khu phố MP, xã C, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ông Thạch Trường A chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm X, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị

đơn. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 bà Nguyễn Thị Cẩm X và Ông Thạch Trường A chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân của bà X và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà X trình bày trong thời gian chung sống bà và ông A sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp và ông bà đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa, bà X xác định hiện nay không còn tình cảm với ông A và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà X và ông A không có khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X đối với ông A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà X và ông A có 02 người con chung là cháu Thạch Quang V, sinh ngày 09/3/2017 và Thạch Thu T, sinh ngày 11/5/2013 hiện đang sống cùng ông A, bà X thống nhất giao 02 con chung cho ông A chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ sau khi ông bà ly thân cho đến nay ông A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vinh và cháu Thảo nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V và cháu Thảo cho ông A chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu V, cháu T và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Cẩm X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không tiến hành hòa giải việc cấp dưỡng nuôi con giữa bà X và ông A. Vì vậy, về phần cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này ông A có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông A đúng theo quy định pháp luật nhưng ông A vẫn vắng mặt không

lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa bà X và ông A được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên tòa bà X xác nhận trong thời gian chung sống cùng ông A thì ông bà không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm X về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với Ông Thạch Trường A.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm X là nguyên đơn trong vụ án nên bà X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm X về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với Ông Thạch Trường A, cho bà Nguyễn Thị Cẩm X được ly hôn với Ông Thạch Trường A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Thu T, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Thạch Quang V, sinh ngày 09/3/2017 cho Ông Thạch Trường A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Cẩm X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà X được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 10727 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), bà X không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thạch Trường A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh